TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ - ST
Ngµy 26 - 7 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy T
Ông Nguyễn Ngọc Ch

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Diễm Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Lưu Quang Đ, sinh năm 1988;**

- Bị đơn: **Chị Cao Thị Th, sinh năm 1990;**

Đều có địa chỉ: Đội 7, xã Thụy Vân, thành phố V, tỉnh P.

(Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lưu Quang Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05/6/2024 anh Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cao Thị Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Vân, thành phố V, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu Thẫn, vợ anh bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2012 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Nay anh xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Cao Thị Th.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Lưu Nam H, sinh ngày 27/10/2012. Ly hôn anh có nguyện vọng để chị Cao Thị Th trực tiếp nuôi con chung vì từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay cháu H vẫn ở cùng với mẹ. Vì vậy,

anh muốn để mẹ cháu nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H. Anh có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng*) đến khi cháu H đủ 18 tuổi và cấp dưỡng theo tháng kể từ khi Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- *Bị đơn chị Cao Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do.*

Chị Cao Thị Th đã được Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P nhiều lần trực tiếp gửi Giấy báo và các văn bản tố tụng nhưng chị Th không đến Tòa án làm việc. Ngày 11/6/2024, Tòa án tiếp tục tống đạt văn bản tố tụng cho chị Th tại địa chỉ nơi cư trú nhưng chị Th đã từ chối nhận văn bản, vì vậy Tòa án đã lập biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Th tại nhà văn hóa đội 7, xã Th, trụ sở Ủy ban nhân dân xã Th, thành phố V và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P cho chị Th theo đúng quy định pháp luật.

Cháu Lưu Nam H là con chung của anh Đ và chị Th có nguyện vọng muốn ở với mẹ Cao Thị Th vì mẹ nuôi cháu từ nhỏ.

Ngày 11/6/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư Thộc đội 7, xã Thụy Vân, thành phố V, tỉnh P nơi anh Đ và chị Th sinh sống thì được bố mẹ đẻ chị Th là ông Cao Xuân H và bà Nguyễn Thị H cũng như đại diện H quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:

Ông Cao Xuân H và bà Nguyễn Thị H cho biết: Chị Cao Thị Th và anh Lưu Quang Đ tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Vân, thành phố V, tỉnh P. Sau khi kết hôn hai gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương và chị Th về nhà chồng sinh sống. Nhà chồng chị Th ở cùng tổ liên gia với ông H, bà H và ở tại đội 7, xã Thụy Vân, thành phố V, tỉnh P. Sau khi chị Th về ở nhà chồng được khoảng 10 tháng thì vợ chồng cãi chửi nhau nên chị Th đã ôm con về nhà bố mẹ đẻ là ông H, bà H ở từ đó cho đến nay. Trong 10 tháng chị Th ở nhà chồng, vợ chồng cũng thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Giữa anh Đ và chị Th không còn chung sống với nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Anh Đ cũng không quan tâm thăm hỏi đến vợ con kể cả khi con đi bệnh viện anh Đ cũng không hỏi thăm. Gia đình ông H, bà H đã hòa giải, hàn gắn nhiền lần và phân tích cho các con nhưng anh Đ, chị Th cũng không hàn gắn được và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Ông bà cũng mong muốn con cái được đoàn tụ để chăm sóc yêu thương nhau nhưng anh Đ và chị Th không hòa hợp, hàn gắn được. Nay anh Đ xin ly hôn quan điểm của ông H, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị Th có một con chung là cháu Lưu Nam H, sinh ngày 27/10/2012. Sau khi chị Th bế con về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2012 thì cháu H vẫn ở cùng mẹ, do mẹ cháu nuôi dưỡng chăm sóc và bố cháu là anh Đ không quan tâm gì đến cháu H. Cả hai mẹ con chị Th đều ở cùng ông H, bà H từ năm 2012

đến nay.

Trưởng khu dân cư xác nhận ông Cao Xuân H và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của chị Cao Thị Th trình bày nội dung như trên là hoàn toàn đúng sự thật. Khu dân cư nắm bắt được tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị Th đã ly thân từ nhiều năm nay, chị Th cùng với con trai là cháu H đã về sinh sống cùng với ông H và bà H là bố mẹ đẻ chị Th từ năm 2012 cho đến nay. Hai vợ chồng không sinh sống cùng nhau, không quan tâm đến nhau, mâu Thẫn của vợ chồng đã từ lâu không hàn gắn được mặc dù gia đình đã hòa giải nhiều lần. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do chị Th vắng mặt nên anh Đ có đơn từ chối hòa giải, vì vậy vụ án không hòa giải được và được đưa ra xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Quang Đ về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Quang Đ được ly hôn chị Cao Thị Th.

- Về con chung: Giao con chung là Lưu Nam H, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Cao Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận anh Lưu Quang Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng*) đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng: Hằng tháng. Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đ xác định vợ chồng không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Lưu Quang Đ pH chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn anh Lưu Quang Đ và bị đơn chị Cao Thị Th. Chị Th có hộ khẩu thường trú tại: Đội 7, xã Thụy Vân, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn anh Lưu Quang Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Bị đơn chị Cao Thị Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Quang Đ và chị Cao Thị Th là vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Vân, thành phố V, tỉnh P. Trong quá trình chung sống, theo như anh Đ trình bày thì vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu Thẫn, chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của chị Th nhưng qua việc xác minh thông tin từ bố mẹ đẻ chị Th là ông Cao Xuân H, bà Nguyễn Thị H và xác minh tại H quyền địa phương nơi chị Th cư trú thì được bố mẹ đẻ chị Th cùng đại diện H quyền địa phương cho biết: Sau khi chị Th, anh Đ kết hôn, chị Th về ở nhà chồng được khoảng 10 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu Thẫn, chị Th đã ôm con về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2012 cho đến nay. Trong 10 tháng chị Th ở nhà chồng thì vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Giữa anh Đ và chị Th không còn chung sống và quan tâm đến nhau. Gia đình đã hòa giải, hàn gắn nhiền lần nhưng không thành, vợ chồng anh Đ chị Th sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu Thẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Th rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ đối với chị Th là hoàn toàn có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Xác định vợ chồng anh Đ, chị Th có 01 con chung là Lưu Nam H, sinh ngày 27/10/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của chị Th về con chung. Còn anh Đ có nguyện vọng để chị Th trực tiếp nuôi con chung vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu H vẫn ở cùng với mẹ nên anh muốn để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H. Tòa án xác minh thông tin về con chung của vợ chồng anh Đ, chị Th thì được ông Cao Xuân H, bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ chị Th cùng đại diện H quyền địa phương cho biết: Vợ chồng anh Đ, chị Th có một con chung là cháu Lưu Nam

H, sinh ngày 27/10/2012. Sau khi vợ chồng xảy ra mẫu Thẫn, chị Th bế con về nhà ông H, bà H ở từ năm 2012 đến nay thì cháu H vẫn ở cùng chị Th, do chị Th nuôi dưỡng chăm sóc. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H là muốn được ở cùng mẹ vì mẹ nuôi cháu từ nhỏ. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lưu Nam H, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Cao Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Th không có lời khai nhưng anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng*) đến khi cháu H đủ 18 tuổi và cấp dưỡng theo tháng kể từ khi Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Đ không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù anh Đ trình bày không có nhưng do chị Th vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của anh Đ và chị Th nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đ pH chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Quang Đ về việc "Ly hôn".

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Quang Đ được ly hôn chị Cao Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Lưu Nam H, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Cao Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Lưu Quang Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị Th mỗi tháng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng*) đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng: Hằng tháng. Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc

thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đ xác định vợ chồng không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lưu Quang Đ pH chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và pH chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh Đ (do bà Nguyễn Thị Trà My nộp thay) đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai Th tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006118 ngày 31/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P. Anh Đ còn pH nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

5. Anh Đ, chị Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành *án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- UBND xã Thụy Vân, TP. V, T. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị H